

Số: /QĐ-SYT

Ninh Thuận, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai giao dự toán chi ngân sách năm 2025
cho các đơn vị trực thuộc**

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 228/QĐ-UBND ngày 16 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phân bổ, giao bổ sung dự toán chi năm 2025 cho các cơ quan, đơn vị và địa phương để thực hiện nhiệm vụ;

Theo đề nghị Trưởng Phòng Kế hoạch - Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu giao dự toán ngân sách năm 2025 cho các đơn vị trực thuộc theo phụ lục đính kèm.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng các phòng chức năng Sở Y tế và Giám đốc Trung tâm Công tác Xã Hội triển khai thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Sở Tài chính;
- Website Sở Y tế;
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu: VT, KHTC.M.Sung

GIÁM ĐỐC

Lê Vũ Chương

Đơn vị: Sở Y tế
Chương: 423

**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ĐƯỢC GIAO
VÀ PHÂN BỐ CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NĂM 2025**

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-SYT ngày tháng năm 2025 của Sở Y tế)

Đơn vị tính: đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Văn phòng Sở Y tế	Trung tâm Công tác xã hội
	Dự toán chi ngân sách nhà nước:	25.315.467.599	25.315.467.599	4.638.310.721	20.677.156.878
I	Kinh phí tự chủ, kinh phí thường xuyên	5.937.072.845	5.937.072.845	1.043.558.721	4.893.514.124
-	Lương các khoản đóng góp theo lương	5.423.807.130	5.423.807.130	941.352.750	4.482.454.380
-	Chi khác thường xuyên theo định mức	441.108.183	441.108.183	88.145.106	352.963.077
-	Nguồn Cải cách tiền lương	72.157.532	72.157.532	14.060.865	58.096.667
II	Kinh phí không tự chủ, kinh phí không thường xuyên	19.378.394.754	19.378.394.754	3.594.752.000	15.783.642.754
-	Chi đặc thù	16.201.334.754	16.201.334.754	417.692.000	15.783.642.754
-	Chi đặc thù <i>(Chi hoạt động xã hội khác; và chi sự nghiệp bảo vệ và chăm sóc trẻ em)</i>	3.177.060.000	3.177.060.000	3.177.060.000	